

SUY TƯ VỀ THÂN PHẬN CON NGƯỜI TRONG TRUYỆN NGẮN NGUYỄN HUY THIỆP

○ TRỊNH VIẾT TOÀN*

1. Năm 1987, với sự xuất hiện của truyện ngắn «*Tướng về hưu*» trên tuần báo *Văn nghệ* (số ra ngày 20/6/1987), Nguyễn Huy Thiệp trở thành hiện tượng của văn đàn Việt Nam. Kĩ thuật viết điêu luyện và chủ đề tư tưởng sâu sắc trong mỗi tác phẩm đã khẳng định vị trí của nhà văn trong dòng chảy văn học Việt Nam. Nhắc đến những thành tựu đổi mới văn học Việt Nam sau năm 1975 không thể bỏ qua những truyện ngắn đầy ám ảnh, có khi chua chát nhưng man mác buồn thương của Nguyễn Huy Thiệp. Hiện tượng Nguyễn Huy Thiệp có sức ảnh hưởng cũng như sức hút mạnh mẽ đối với những người yêu văn và học văn.

Trong quá trình sáng tạo của mình, mỗi nhà văn đều cần đến những hình tượng nhân vật để thể hiện tư tưởng chủ đề. Riêng Nguyễn Huy Thiệp, trong truyện ngắn, không khái quát các kiểu nhân vật điển hình mà mỗi nhân vật của ông là một thân phận riêng; nhà văn soi thấu tận tâm can, phơi bày những rung cảm, đời sống tâm lí quá thật của con người khiến cho không ít độc giả phải rùng mình khi tiếp cận văn chương Nguyễn Huy Thiệp. Bàn về cách miêu tả con người ở những phần sâu kín nhất trong trang viết của ông, nhà nghiên cứu Hoàng Ngọc Hiến nhận định: «nói về sự đốn mạt, hèn kém của con người, câu văn Nguyễn Huy Thiệp thường man mác cảm giác tê tái. Đằng sau cảm giác này là nỗi đau nhân tính. Một nỗi đau âm thầm, lặng lẽ nhưng sâu sắc... Ngòi bút trào phúng của Nguyễn Huy Thiệp vừa trào phúng vừa xót xa» (1; tr.356). Nỗi đau ấy xuất phát từ những suy tư, trăn trở của tác giả về thân phận con người.

2. Sự phát hiện những bi kịch giàu chất thơ về thân phận con người

Thuật ngữ *bi kịch* nghĩa gốc dùng để chỉ một loại hình kịch. «Bi kịch phản ánh không phải bằng tự sự mà bằng hành động của nhân vật chính, mối xung đột không thể điều hoà được giữa cái thiện và cái ác, cái cao cả và cái thấp hèn... diễn

ra trong một tình huống cực kì căng thẳng mà nhân vật thường thoát ra khỏi nó bằng cái chết bi thảm gây nên những suy tư và xúc động mạnh mẽ đối với công chúng» (2).

Trong văn học hiện đại, khái niệm *bi kịch* còn được dùng để chỉ một trạng thái của cảm hứng sáng tác - *cảm hứng bi kịch*. Biểu hiện của tính bi kịch là trạng huống mâu thuẫn đến cùng cực, là sự đau đớn, mất mát, là cảm giác bất mãn của con người trong cuộc đời đầy biến động và phức tạp. Cảm xúc bi kịch bao hàm sự xót xa, thương tiếc, đồng cảm gắn liền với niềm tự hào rằng con người có sức mạnh vượt ra khỏi sự tầm thường, vượt lên nỗi đau khổ bất chấp những hiểm nguy.

Về mặt nào đó, bi kịch như là hệ quả của khát vọng không thành, chính xác hơn, là hệ quả của mâu thuẫn giữa khát vọng và hiện thực. Có những bi kịch được tạo nên bởi sự mâu thuẫn giữa cá nhân với hoàn cảnh, song cũng có những bi kịch là sự tự mâu thuẫn của chủ thể. Đó chính là cuộc đấu tranh nội tâm gay gắt, căng thẳng, thường trực của nhân vật. Trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp có cả hai kiểu bi kịch này. Thông thường, nhân vật không bao giờ có được điều họ cần tìm trong hành trình khát vọng của mình. Chương (*Con gái thủy thần*), Hạnh (*Huyền thoại phố phường*), Ngọc (*Những người thợ xé*), Kiếm (*Quan Âm chi lộ*), «tôi» (*Con gái thủy thần*),... là những nhân vật như vậy. Chương mãi kiếm tìm hình bóng «mẹ Cả» như một thứ hạnh phúc không có thực trên đời. «*Con gái thủy thần! Nàng ở đâu? Nàng ở chỗ nào? Vì cái gì? Bởi lẽ gì? Để tôi mượn màu son phấn ra đi...*» (3; tr.96). Nhân vật đã ra đi gần hết nửa cuộc đời mình, ra đi trong cô đơn, tìm kiếm trong cô đơn và trở về trong cô đơn... Hạnh (*Huyền thoại phố phường*) đã từng nuôi trong lòng khát vọng sau này trở thành «*một người xuất*

* Tạp chí Đại học Sài Gòn - Trường Đại học Sài Gòn

chúng". Ước muốn ấy chính đáng và đẹp đẽ. Thế nhưng, trên con đường thực hiện lí tưởng đó, Hạnh đã lệch hướng vì sự tham lam và mất tự chủ trước sức cám dỗ quá lớn của vật chất. Hạnh coi đồng tiền là mục đích sống cao nhất của mình. Hẳn sẵn sàng «*xấn tay áo, đưa tay mò dọc theo cái rãnh đầy bùn lầy băng nước bẩn, thậm chí còn có cả cục phân người*» (3; tr.236). Bi kịch của Hạnh là bi kịch của một con người lạc lối. Người đọc vừa ghê tởm nhưng cũng tiếc cho anh ta về một giai đoạn và khát vọng đẹp đẽ ban đầu. Phải chăng, đẩy con người rơi vào bi kịch này không đơn thuần chỉ là lí do chủ quan của cá nhân mà một phần còn thuộc về trách nhiệm xã hội, khi không cho phép Hạnh toàn tâm, toàn ý «*làm việc*» và «*sáng tạo*» mà bất hấn phải loay hoay, vất vả kiếm tiền? Phản ánh sự biến chất đến đau lòng của con người, Nguyễn Huy Thiệp đồng thời kêu gọi con người hãy bảo vệ nhân tính, cứu lấy nhân cách của bản thân và đồng loại. Con người hãy giữ gìn bản tính tốt đẹp của mình, thoát ra khỏi sự tăm tối, thiếu hiểu biết và những tham dục thấp hèn, hãy giữ lấy nhân phẩm của mình trước sức mạnh ghê rợn của đồng tiền cũng như lối sống sùng bái vật chất hiện thời. Đằng sau những câu chuyện làm ta tê tái chính là một nỗi buồn nhân tình rất lặng lẽ và chua xót của người cầm bút.

Nguyễn Huy Thiệp luôn day dứt: «*Liệu con người có thể hiểu được con người không, có thể tôn trọng và mến yêu con người không... Tại sao những người tốt lại thường đau khổ? bất hạnh?*» (3; tr.120). Trong xã hội, những câu hỏi ấy không có gì mới nhưng vẫn chưa hề có câu trả lời thỏa đáng. Hành trình đi tìm ý nghĩa đích thực của cuộc sống có khi quá khắc nghiệt, tước đi của người ta nhiều thứ và cũng đẩy người ta đến chốn thăm sâu của nỗi cô đơn. «*Tất cả đều đẩy con người về nơi tận cùng ý thức cá nhân chính nó. Con người tự co lại như con sâu, cái kiến, thóc thủ trong phần sinh linh vừa bé mọn, vừa cô đơn, vừa bất lực, nó chớp đôi mắt phấp phồng lo âu trong tâm hồn nó và tự hỏi mình: là ai? đi đâu? thế nào? làm gì? tiến đến đâu? bao giờ thành tựu? bao giờ kết thúc?*» (3; tr.193).

Con người khốn khó bị đẩy vào hoàn cảnh bị kịch, bị tha hóa không phải là điều mới mẻ trong văn học Việt Nam (Chí Phèo, anh Pha, chị Dậu của dòng văn học hiện thực phê phán là

những điển hình). Tuy nhiên, con người bị kịch trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp còn là hệ quả của những quan niệm, những hủ tục lạc hậu, lỗi thời. Đó là kiểu con người luôn mang khát vọng thay đổi, vượt ra khỏi những lễ thói của hoàn cảnh, hoặc không muốn thay đổi vì bị trói buộc bởi ý thức cũ đã cắm rễ trong đầu. Nguyễn Huy Thiệp không chỉ nhìn thấy nguyên nhân ở xã hội, mà còn nhìn thấy nguyên nhân ở chính cá nhân con người. Trong xã hội, ngộ nhận đã trở thành một nét tâm lí *thâm căn cố đế*. Nhân vật trong truyện của Nguyễn Huy Thiệp ngộ nhận về sự hèn yếu của chính mình, ngộ nhận về sức mạnh của kẻ khác. Ý thức an phận của con người tiểu nông, mặt tốt đẹp là giữ cho nó tránh khỏi những trạng thái tinh thần nổi loạn, trật tự xã hội do đó thường được đảm bảo. Nhưng ngược lại, với ý thức tiểu nông và sự ngộ nhận về cái gì đó ngoài mình quá lớn lao, về một bản thân mình quá nhỏ bé, mãi mãi không là động cơ, động lực, mà trái lại, là độ ì, sức trì kéo đối với sự phát triển.

Những truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp không ngừng suy tư về ý nghĩa của cuộc sống, của tình yêu, của cái chết, ông không bao giờ tìm ra lời giải đáp trọn vẹn cho những câu hỏi đó. Có lẽ chính vì vậy những nhân vật trong truyện ngắn của ông luôn luôn cô đơn «*như một hành tinh, như ngọn gió*». Họ luôn luôn day dứt bởi câu hỏi: «*Liệu con người có hiểu được con người không, có thể tôn trọng và yêu mến con người không... Tại sao những người tốt lại thường đau khổ, bất hạnh?*» (3; tr.120). Đôi lúc họ cũng muốn buông trôi tất cả, phó mặc tất cả để mong có một cuộc sống thanh thản, cái thanh thản nhẹ dạ của người đời, bởi vì «*day đi dứt lại mãi mà làm gì*». Nhưng họ không thể biến đổi con người mình, trái tim mình, tâm hồn mình.

Trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp thường có kiểu nhân vật cô đơn. Ở họ, sự đấu tranh, mâu thuẫn trong ý thức luôn thường trực, có khi gay gắt, dần vật khôn nguôi. Họ hoài nghi các giá trị cũ và cũng không thật sự rõ ràng tin các giá trị mình đang theo đuổi, và kết quả là cảm thấy vô nghĩa, cô đơn... thậm chí dị biệt trong mắt mọi người. «*Người dung ơi người dung, một triệu người tôi gặp trong đời có ai là máu của máu tôi? Là thịt của thịt tôi? Có ai sẽ sống vì*

tôi và chết vì tôi? Có ai không? Có ai là hoàng đế của tôi? Cũng là thân tử của tôi? Ai là tâm phúc với tôi? Là hi vọng của tôi? Cũng là địa ngục của tôi?" (3; tr.97).

Có lẽ nghề nghiệp không làm cho con người sang trọng lên mà chính con người mới tạo nên các giá trị của mình. Khi xã hội thiếu đi những chuẩn mực giá trị hoặc con người rơi vào khủng hoảng niềm tin thì sự hoài nghi là lẽ tất yếu. Không phải xấu, cũng không phải tốt; vừa căm ghét, sợ hãi vừa cảm phục quả là một trạng thái tâm lí phức tạp, đối nghịch thật khó cất nghia. Phải chăng, hình tượng Trương Chi là hình ảnh sinh động, ẩn dụ về bi kịch đó, cũng là tâm sự sâu kín của nhà văn, ba lần viên quan trưởng bảo Trương Chi hát: Lần thứ nhất: «Hát ca ngợi công danh đi», lần thứ hai: «Hát về sự nhẫn nhục», lần thứ ba: «Hát ca ngợi tiền bạc đi». Ca ngợi. Nhẫn nhục. Nếu văn chương chỉ để nhẫn nhục, để ca ngợi công danh tiền bạc thì đó là thứ văn chương «thô bỉ», như một sự nhẫn nhục «đê hèn»: «Chưa bao giờ chàng hát một bài hát thô bỉ như thế. Bài hát chỉ toàn «ấy a» với lại «huây dô» Bài hát đồng người" (3; tr.312) và «Có chỗ còn bắt chước tiếng chó sủa, tiếng gà cục tác, tiếng dê kêu nữa. Bài hát đồng người" (3; tr.313). Nguyễn Huy Thiệp viết về số phận bi kịch của con người rất ám ảnh, đầy chất thơ. Nói như Nguyễn Đăng Điệp, tác giả đã để cho «nguồn mạch trữ tình rịn trên những thớ đá trần tục của cuộc đời, tạo nên một thứ hương riêng, phảng phất nhưng không thể thiếu" (4). Và nhờ vậy «văn Nguyễn Huy Thiệp mê hoặc người khác, và các cây bút khác khó lòng bắt chước ông bởi khả năng tạo nên sự cheo leo, chênh vênh giữa các cực đối lập, giữa các mã ngôn ngữ khác nhau, giữa tính trò chơi và những ý tưởng sâu xa khi suy tư về đời sống" (4).

3. Cho đến hôm nay, sự tranh luận về Nguyễn Huy Thiệp vẫn chưa đến hồi kết. Điều đáng quý ở Nguyễn Huy Thiệp là lòng dũng cảm. Dũng cảm nhìn vào sự thật để trình bày hiện thực đúng theo những gì mình thấy, những gì mình nghĩ. Tác phẩm của ông đã cho ta thấy rằng «Cuộc sống như một dòng sông, có cả sự trong veo tinh khiết đến ngõ ngàng của nước, có cả rác rưởi đang trôi" (4). Và từ đó «ông giúp chúng ta hiểu hơn về nước, về rác bằng một cái nhìn tinh táo và sâu sắc. Từ đó ông thức tỉnh một

khao khát, bỏ rác đi ta sẽ gặp sự trong trẻo của dòng sông" (4). Những suy tư, trăn trở mang đậm yếu tố trữ tình của nhà văn về thân phận và tình yêu, thiện và ác, sáng và tối, cao thượng và thấp hèn, người và quỷ... bên trong con người khiến chúng ta có thể kết luận rằng Nguyễn Huy Thiệp đã viết được những áng văn «giản dị và trung thực về con người". □

- (1) Phạm Xuân Nguyên (sưu tầm và biên soạn). **Đi tìm Nguyễn Huy Thiệp**. NXB Văn hóa thông tin, H. 2001.
- (2) Lê Bá Hán - Trần Đình Sử. **Từ điển thuật ngữ văn học**, H. 2007, tr.18.
- (3) Nguyễn Huy Thiệp. **Tập truyện ngắn**. NXB Hội nhà văn, H. 2005.
- (4) Nguyễn Đăng Điệp. "Cuốn theo chiều văn Nguyễn Huy Thiệp". Tạp chí Văn học, 18/5/2009.

SUMMARY

Nguyễn Huy Thiệp's stories incessantly concern for the meaning of life, the characters in his short stories usually feel lonely. He always wonders: Can people understand people? Why are the good usually miserable and unhappy? And he always shows his point: tragedy is a result of an unsuccessful desire, or it is the contradiction between desire and reality. The article mentioned Nguyễn Huy Thiệp's concern for the above matter.

Vai trò của đức dục...

(Tiếp theo trang 9)

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. **Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI**. Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, H 2011, tr 41.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. **Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI**. Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, H. 2011, tr 216.

SUMMARY

Ethnics and moral education play an extremely important role for the development of human beings as well as society in general and in Vietnam in particular. It is proven in Ho Chi Minh thought and the actual situation of history. Vietnamese communist Party orientation of education and training in the new situation also clearly confirmed this problem. However, moral education has not been met the requirement in new situation at present time in almost universities. Therefore, the article focuses on reaffirming the role of moral education in university, and pointing out the solutions to improve the effectiveness for moral education in present day Vietnamese universities.